

VOCABULARY – SCHOOL SUBJECTS

- **class:** lớp
- **study numbers and shapes:** học số và hình dạng
- **draw and paint:** vẽ và tô màu
- **sing and dance:** hát và nhảy
- **study letters and words:** học chữ cái và từ
- **study past events:** học về những sự kiện ở quá khứ
- **study the language that people speak in England:** học ngôn ngữ mà mọi người nói ở nước Anh
- **use a dictionary and speak English:** sử dụng từ điển và nói tiếng Anh
- **study the countries of the world:** học về các quốc gia trên thế giới
- **play sports:** chơi thể thao
- **do experiment:** làm thí nghiệm
- **study songs:** học các bài hát
- **study planets:** học về các hành tinh
- **free:** rảnh rỗi